TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1127/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01.9.2017
V/v *: "Ly hôn".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 871/2017/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15.8.2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Bá H - sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: đường T, phường 05, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Bà Đặng Thị Út T - sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05.7.2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Bá H trình bày:

Ông và bà T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc tại địa chỉ ấp 4, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông thường bỏ nhà đi không ở nhà. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Út T.

Về con chung: có 01 trẻ Trần Thị Đông N, sinh ngày 21/3/2006. Ông yêu cầu bà T nuôi dưỡng trẻ N, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 14/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị Út T trình bày:

Bà và ông H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc tại địa chỉ ấp 4, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là ông H có tình cảm với người khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông Trần Bá H.

Về con chung: có 01 trẻ Trần Thị Đông N, sinh ngày 21/3/2006. Bà T đồng ý nuôi dưỡng trẻ N, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Bá H và bà Đặng Thị Út T tự nguyện chung sống với nhau năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng nên nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà T.

Đối với bị đơn cho rằng vợ chồng cũng đã mâu thuẫn từ năm 2014 và ly thân cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy ông H và bà T chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Bá H và bà Đặng Thị Út T.

Về con chung: có 01 trẻ Trần Thị Đông N, sinh ngày 21/3/2006. Ông H, bà T thỏa thuận bà T nuôi dưỡng trẻ N, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 14/8/2017 trẻ N khai nếu ba mẹ ly hôn thì có nguyện vọng sống với mẹ nên thỏa thuận này giữa các đương sự được Hội đồng chấp nhận.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Bá H và bà Đặng Thị Út T.

2/ Về con chung: Giao trẻ Trần Thị Đông N, sinh ngày 21/3/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thi hành ngay sau khi án có hiệu lực cho đến khi trẻ N tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Trần Bá H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai số 0032346 ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hoàng đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng